

Số: 40/2021/QĐST-HNGĐ

Long Điền, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 250/2021/TLST-VHNVGD ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Đỗ Thành Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Bùi Thị L và ông Đỗ Thành Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2014 (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08, quyển số 1/2014) tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng và không tin tưởng nhau nên xảy ra cãi vã trầm trọng nhiều lần, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, tình cảm không còn.

Nay, Bà L ông Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà L và ông Đ xác nhận có 01 con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 15-11-2015. Bà L và ông Đ thỏa thuận giao cháu Đ cho ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng và bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là

2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11-2021.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Đỗ Thành Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 15-11-2015.

Bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Thành Đ hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2021 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bà L có nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Bùi Thị L và ông Đỗ Thành Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0008509 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà L và ông Đ đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- UBND thị trấn L, huyện L;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình